

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH KIÊN GIANG**
Bản án số:38/2017/HNGĐ-ST
Ngày 19 tháng 9 năm 2017
V/v: “*Hôn nhân và gia đình*
- *Xin ly hôn*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Tám

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Lệ Hoa;
2. Ông Trần Văn Hải,

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Huỳnh Thiên Ân-Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện-Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:*
Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 19 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 126/2017/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 6 năm 2017 về việc: “*Hôn nhân và gia đình-xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 9 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 11 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị P, sinh năm 1991 (có mặt);

Địa chỉ: Số 139, ấp T, xã D, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Anh H, sinh năm 1990 (vắng mặt),

Cùng địa chỉ: ấp T, xã A, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị P trình bày: Chị và anh H chung sống với nhau vào ngày 10 tháng 4 năm 2010, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 24 tháng 5 năm 2010, tại UBND xã D, huyện H, tỉnh Kiên Giang. Trước khi cưới vợ chồng có tìm hiểu nhau khoảng một năm mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Quá trình chung sống lúc đầu hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất hòa quan điểm, thường xuyên xảy ra lời qua tiếng lại rồi

cự cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng gia tăng trầm trọng, anh H làm có tiền tiêu xài cho bản thân, không lo cho vợ con, mỗi người có lối sống riêng, không ai lo cho ai, bỏ mặc cho nhau, tự ai muốn làm gì thì làm, chị P cam chịu đến tháng 3 năm 2017 ly thân cho đến nay. Nay chị P xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn.

- Có một con chung tên: T, sinh ngày 19 tháng 8 năm 2014, chị P đang nuôi và yêu cầu được tiếp tục nuôi, không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

- Về tài sản của vợ chồng và quyền, nghĩa vụ về tài sản: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh H là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh H với tư cách là bị đơn, tại phiên tòa hôm nay anh H vắng mặt, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự “Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà bị đơn vẫn vắng mặt thì Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ”. Xét thấy, anh H đã được cấp, tổng đạt, niêm yết, thông báo văn bản tố tụng hợp lệ theo khoản 5 Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng anh H vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định của pháp luật;

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh H là hợp pháp. Bởi vì anh, chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện H, tỉnh Kiên Giang vào năm 2010 theo quy định tại Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 được sửa đổi, bổ sung 2010 và Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 về điều khoản chuyển tiếp, nghĩ nên chấp nhận để xem xét giải quyết;

- Thấy rằng, giữa anh H và chị P là vợ chồng có thời gian dài chung sống với nhau và sinh được một con chung. Đây là cơ sở để đảm bảo hạnh phúc gia đình bền vững. Tuy nhiên, trong cuộc sống thường nhật của anh, chị hay xảy ra bất đồng quan điểm mà nguyên nhân là do tính tình về sau này không còn phù hợp. Theo lời trình bày của chị P thì kể từ năm 2017 trở đi anh H làm ra tiền tự tiêu xài cho bản thân, không còn quan tâm đến gia đình, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, chị P không chịu đựng được nữa nên đã sống ly thân đến nay, không ai tới lui thăm nom, chăm sóc nhau nữa, bỏ mặc cho nhau ai muốn làm gì thì làm, càng ngày tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị xác định không thể tiếp tục sống chung với anh H được nữa nên yêu cầu được ly hôn,

- Về phần anh H, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thực hiện đầy đủ các bước như cấp, tổng đạt, thông báo và niêm yết văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh H cố tình tránh né, không hợp tác để giải quyết vụ việc. Theo chính quyền địa phương nơi anh H cư trú xác nhận đã từ lâu anh H bỏ địa phương đi đâu, làm gì không rõ. Điều này chứng tỏ rằng anh H không còn quan tâm đến gia đình vợ con, nhất là tình cảm vợ chồng. Vì vậy, nếu xử bác yêu cầu của chị P sẽ gây ra thiếu tính công bằng đối với giới nữ, đồng thời cho thấy theo lời trình bày và yêu cầu xin được ly hôn của chị P là chính đáng, nghĩ nên cần thiết cần được chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P là

phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 89 của luật hôn nhân và gia đình năm 2000 được sửa đổi, bổ sung năm 2010;

[3] *Về con chung*: Anh H và chị P có một con chung tên T, sinh ngày 19 tháng 8 năm 2014, cháu T từ trước đến nay sống với chị P và ở lứa tuổi này cần có sự chăm sóc của người mẹ, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị P là xử giao cháu T cho chị P được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến trưởng thành là phù hợp theo quy định tại Điều 92 của luật hôn nhân và gia đình năm 2000 được sửa đổi, bổ sung năm 2010;

- Về nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con sau khi ly hôn: Do chị P không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, nghĩ nên miễn xét,

- Về quyền của cha, mẹ đối với con sau khi ly hôn: Không ai được cản trở quyền thăm nom con chung theo quy định tại Điều 94 của luật hôn nhân và gia đình năm 2000 được sửa đổi, bổ sung năm 2010;

[4] *Về tài sản của vợ chồng và quyền, nghĩa vụ về tài sản*: Chị P xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nghĩ nên miễn xét;

[5] *Về án phí*: Chị P phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về Mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

[6] *Báo cho các đương sự biết để thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật*,

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 11, khoản 1 Điều 89, Điều 92, Điều 94 của luật hôn nhân và gia đình năm 2000 được sửa đổi, bổ sung năm 2010; Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 về điều khoản chuyển tiếp; khoản 5 Điều 177; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự:

1. *Về Quan hệ hôn nhân*: Xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P đối với anh H;

2. *Về quan hệ con cái*: Xử giao cháu T, sinh ngày 19 tháng 8 năm 2014 cho chị P được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến trưởng thành; Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con; Không ai được cản trở quyền thăm nom con chung;

3. *Về tài sản của vợ chồng và quyền, nghĩa vụ về tài sản*: Miễn xét;

4. *Về án phí*:

- Áp dụng Điều 147; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Xử buộc chị P phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ đi số tiền tạm ứng án phí mà chị P đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007506, ngày 13 tháng 6 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 19 tháng 9 năm 2017, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán-Chủ Tọa phiên tòa

- VKSND huyện H;
- Chi cục THA huyện H;
- Phòng Tư Pháp huyện H;
- UBND xã, thị trấn;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

Lê Văn Tám